

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Năng lực	Cấp độ tư duy								
	Dạng thức 1			Dạng thức 2			Dạng thức 3		
	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Tư duy và lập luận Toán học	7	4		8	6				
Giải quyết vấn đề Toán học	1				2				1
Mô hình hóa Toán học									2
Tổng	8	4		8	8				3

MA TRẬN ĐẶC TẢ

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN 4 lựa chọn 12 câu 3 điểm	1	TD 3.2			Quy tắc cộng – Quy tắc nhân	Nhận biết : - Nhận biết được quy tắc cộng và quy tắc nhân. - Áp dụng quy tắc cộng, quy tắc nhân vào giải các bài toán cơ bản, quen thuộc. Thông hiểu: - Áp dụng quy tắc cộng, quy tắc nhân vào giải các bài toán cơ bản.
	2		TD 1.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	3	TD 3.2			Hoán vị – Chỉnh hợp – Tổ hợp	Nhận biết : - Nhận biết và phân biệt được hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Áp dụng vào giải các bài toán cơ bản, quen thuộc. Thông hiểu: - Áp dụng vào giải quyết các vấn đề toán học và bài toán thực tế cơ bản.
	4		TD 3.2			
	5	TD 3.2			Nhị thức Newton	Nhận biết: - Nhận biết được công thức khai triển của nhị thức Newton Thông hiểu: - Biết khai triển công thức nhị thức Newton với số mũ cụ thể. - Tìm hệ số hoặc số hạng chứa x^k trong khai triển nhị thức Newton.
	6	TD 1.2				
	7	TD 1.2			Xác suất	Nhận biết : - Nhận biết được một số khái niệm: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố, biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lí xác suất bé. - Xác định được không gian mẫu, số phần tử không gian mẫu trong các bài toán cơ bản, quen thuộc (Gieo đồng xu, con súc sắc,...) Thông hiểu: - Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản. - Tính được xác suất bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây.
	8		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	9	GQ 1.2			Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	Nhận biết : - Nhận biết hai dạng phương trình đường tròn. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình. - Viết được phương trình đường tròn khi biết tâm và bán kính. - Nhận biết được một điểm nằm trong, nằm trên, nằm ngoài một đường tròn. Thông hiểu: - Viết được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và một điểm đi qua. - Viết được phương trình đường tròn khi biết đường kính AB với tọa độ A, B. - Viết được phương trình đường tròn đi qua ba điểm. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tiếp điểm $M(x_0; y_0)$.
	10	TD 3.2				
	11		TD 3.2		Ba đường Conic trong mặt phẳng tọa độ	Nhận biết : - Nhận biết được định nghĩa, phương trình chính tắc, hình dạng và tính chất hai đường conic trong mặt phẳng tọa độ. Thông hiểu: - Viết được phương trình chính tắc của Elip và Hypebol khi biết 2 trong 3 yếu tố a, b, c. - Viết được phương trình chính tắc của ParaBol khi biết tiêu điểm, đường chuẩn.
	12	TD 3.2				

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
TN đúng sai 4 câu 4 điểm	1				Hoán vị – Chỉnh hợp – Tổ hợp	Nhận biết : - Nhận biết và phân biệt được hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. - Áp dụng vào giải các bài toán cơ bản, quen thuộc. Thông hiểu: - Áp dụng vào giải quyết các vấn đề toán học và bài toán thực tế cơ bản.
	a	TD 1.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 2.1			
	d		TD 3.2			
	2				Nhị thức Newton	Nhận biết: - Nhận biết được công thức khai triển của nhị thức Newton Thông hiểu: - Biết khai triển công thức nhị thức Newton với số mũ cụ thể. - Tìm hệ số hoặc số hạng chứa x^k trong khai triển nhị thức Newton.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
	3				Xác suất	Nhận biết : - Nhận biết được một số khái niệm: phép thử ngẫu nhiên; không gian mẫu; biến cố, biến cố chắc chắn, biến cố không thể, biến cố đối; định nghĩa cổ điển của xác suất; nguyên lí xác suất bé. - Xác định được không gian mẫu, số phần tử không gian mẫu trong các bài toán cơ bản, quen thuộc (Gieo đồng xu, con súc sắc,...) Thông hiểu: - Tính được xác suất của biến cố trong một số bài toán đơn giản. - Tính được xác suất bằng cách sử dụng sơ đồ hình cây.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		TD 3.2			
	d		TD 3.2			
	4				Đường tròn trong mặt phẳng tọa độ	Nhận biết : - Nhận biết hai dạng phương trình đường tròn. - Xác định được tâm và bán kính đường tròn khi biết phương trình. - Viết được phương trình đường tròn khi biết tâm và bán kính. - Nhận biết được một điểm nằm trong, nằm trên, nằm ngoài một đường tròn. Thông hiểu: - Viết được phương trình đường tròn khi biết tọa độ tâm và một điểm đi qua. - Viết được phương trình đường tròn khi biết đường kính AB với tọa độ A, B. - Viết được phương trình đường tròn đi qua ba điểm. - Viết được phương trình tiếp tuyến của đường tròn khi biết tiếp điểm $M(x_0; y_0)$.
	a	TD 3.2				
	b	TD 3.2				
	c		GQ 3.1			
	d		GQ 3.1			

DẠNG THỨC	CÂU	CẤP ĐỘ TƯ DUY			ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	NỘI DUNG CHI TIẾT
		Biết	Hiểu	Vận dụng		
Tự luận 3 điểm	1			MH 2.1	Hoán vị – Chỉnh hợp – Tổ hợp	Vận dụng : - Vận dụng được kiến thức giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn
	2			MH 2.1	Xác suất	Vận dụng : - Vận dụng được kiến thức về tổ hợp và định nghĩa cổ điển của xác suất để giải một số bài toán liên quan đến thực tiễn
	3			GQ 2.2	Ba đường Conic trong mặt phẳng tọa độ	Vận dụng: - Viết phương trình Conic thoả điều kiện cho trước. - Vận dụng vào giải quyết một số bài toán thực tiễn.
TỔNG		16	12	3		
TỈ LỆ %		40	30	20		
TỔNG ĐIỂM		4	3	2	10	

NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
TD1. Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hóa, khái quát hóa, tương tự; quy nạp, diễn dịch.	TD1.1. Thực hiện được tương đối thành thạo các thao tác tư duy. TD1.2. Phát hiện được sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống tương đối phức tạp. TD1.3. Lí giải được kết quả của việc quan sát.
TD2. Chỉ ra được chứng cứ, lí lẽ và biết lập luận hợp lí trước khi kết luận.	TD2.1. Sử dụng được các phương pháp lập luận để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.2. Sử dụng được các phương pháp quy nạp để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề. TD2.3. Sử dụng được các phương pháp suy diễn để nhìn ra những cách thức khác nhau trong việc giải quyết vấn đề.
TD3. Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện học toán.	TD3.1. Nêu được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.2. Trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. TD3.3. Giải thích được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.4. Chứng minh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học. TD3.5. Điều chỉnh được giải pháp thực hiện về phương diện toán học.

NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
GQ1. Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học.	GQ1.1. Xác định được tình huống có vấn đề; GQ1.2. Thu thập được thông tin; GQ1.3. Sắp xếp được thông tin; GQ1.4. Giải thích được thông tin; GQ1.5. Đánh giá được độ tin cậy của thông tin; GQ1.6. Chia sẻ được sự am hiểu vấn đề với người khác.
GQ2. Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề.	GQ2.1. Lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề. GQ2.2. Thiết lập được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề.
GQ3. Sử dụng được các kiến thức, kĩ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra.	GQ3.1. Thực hiện giải pháp giải quyết vấn đề. GQ3.2. Trình bày được giải pháp giải quyết vấn đề.
GQ4. Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hóa được cho vấn đề tương tự.	GQ4.1. Đánh giá được giải pháp đã thực hiện. GQ4.2. Phản ánh được giá trị của giải pháp. GQ4.3. Khái quát hoá được cho vấn đề tương tự.

NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC

Thành phần năng lực	Biểu hiện
MH1. Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.	MH1.1. Thiết lập được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, sơ đồ, hình vẽ, bảng biểu, đồ thị,...) để mô tả tình huống đặt ra trong một số bài toán thực tiễn.
MH2. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.	MH2.1. Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập.
MH3. Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.	MH3.1. Lí giải được tính đúng đắn của lời giải (những kết luận thu được từ các tính toán là có ý nghĩa, phù hợp với thực tiễn hay không). MH3.2. Nhận biết được cách đơn giản hoá, cách điều chỉnh những yêu cầu thực tiễn (xấp xỉ, bổ sung thêm giả thiết, tổng quát hóa,...) để đưa đến những bài toán giải được.



TỔ NGŨ VĂN

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2024 - 2025

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 10

1. MA TRẬN

TT	Năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Tổng %
				Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	Số câu	Tỷ lệ	
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản thông tin Văn bản thơ hiện đại	5	2	15%	2	25%	1	10%	50%
II	VIẾT	Viết bài nghị luận xã hội về một vấn đề đời sống.	1	15%		15%		20%		50%
Tổng			6	30%		40%		30%		100%

2. MA TRẬN ĐẶC TẢ

TT	Kỹ năng	ĐV kiến thức/ Kỹ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
I	ĐỌC HIỂU	Văn bản thông tin	*Nhận biết - Nhận biết được đề tài, thông tin chính, mục đích của người viết - Nhận biết được các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận được lồng ghép trong văn bản. *Thông hiểu - Phân tích được quan điểm của người viết - Nêu được hiệu quả sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm, tự sự, nghị luận - Phân tích được vai trò của các yếu tố phi ngôn ngữ trong văn bản *Vận dụng Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm sống của bản thân.	2	2	1	0
		Văn bản thơ hiện đại	* Nhận biết - Nhận biết được đề tài, thể thơ, hình ảnh, từ ngữ. - Nhận biết được nhân vật trữ tình, đối tượng trữ tình *Thông hiểu - Phân tích và đánh giá được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như từ ngữ, hình ảnh, ngắt nhịp. - Phân tích hiệu quả của các biện pháp tu từ trong thơ. - Phân tích được ý nghĩa của chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ. - Nêu và lý giải được cảm hứng chủ đạo, hình ảnh trung tâm trong bài thơ. *Vận dụng - Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản thơ				

			- Thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm thơ.				
II	VIẾT	Nghị luận xã hội về vấn đề đời sống	*Nhận biết - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận. - Nêu được vấn đề nghị luận. - Xác định được mục đích, đối tượng nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. *Thông hiểu - Phân tích được lý do và các phương diện liên quan đến vấn đề nghị luận - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục, chính xác, tin cậy, thích hợp. - Cấu trúc chặt chẽ; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. * Vận dụng - Đánh giá được ý nghĩa, ảnh hưởng của vấn đề đối với tuổi trẻ - Nêu được những bài học, những đề nghị, khuyến nghị rút ra từ vấn đề bàn luận * Vận dụng cao - Sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt như miêu tả, tự sự, biểu cảm...để tăng sức thuyết phục cho bài viết - Vận dụng hiệu quả các kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho bài viết	1*	1*	1*	1

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

TỔ NGOẠI NGỮ

MA TRẬN - ĐẶC TẢ ĐỀ THI MÔN TIẾNG ANH

HỌC KỲ 2 - KHỐI 10

NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Tự luận

MA TRẬN

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC		CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Phonetics		4						4	
Word choice (UNIT 9, 10)		5		1		2		8	
Word form (UNIT 9, 10)					3		2		5
Verb tenses		1		1			1	2	1
Reported speech		2		1	1		1	3	2
Conditionals (Type 1,2)		2			1	1	1	3	2
Collocations/ Idioms		2						2	
Reading Comprehension (UNIT 9, 10)				3		2		5	
Sentence sequencing				2				2	
Multiple-Choice Cloze Test 1	Reported speech					1		1	
	Conditionals					1		1	
	Parallel structure			1		1		2	
	Tense					1		1	
	Passive					1		1	
Multiple-Choice Cloze Test 2	Word choice	2						2	
	Linking words			1				1	
	Phrasal Verb	1						1	
	Prepositions	1						1	
TỔNG		20	0	10	5	10	5	40	10
TỈ LỆ		40%		30%		30%		80%	20%

BẢN ĐẶC TẢ

ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CHUẨN KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
		NB	TH	VD
Phonetics	Nhận biết: - Xác định được vị trí dấu nhấn của từ có 2 hoặc 3 âm tiết - Phát âm đúng các nguyên âm/ phụ âm trong 1 từ	4		
Word choice (UNIT 9, 10)	Nhận biết: - Nhớ nghĩa từ đã học và chọn từ đúng Thông hiểu: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng phù hợp ý của câu Vận dụng: - Nhớ nghĩa và chọn từ đúng, phù hợp ý của câu, phân biệt được so với các đáp án khác.	7	1	2
Word form (UNIT 9, 10)	Thông hiểu: - Xác định được từ loại và điền từ nghĩa phù hợp Vận dụng: - Xác định được từ loại và biết vận dụng tiếp đầu ngữ, tiếp vĩ ngữ phù hợp, với 1 gốc từ có nhiều từ cùng từ loại.		3	2
Verb tenses	Nhận biết: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu Thông hiểu: - Chọn thì đúng dựa theo dấu hiệu trong câu, biết phối hợp thì Vận dụng: - Chuyển sang thì khác không làm đổi nghĩa câu - Chuyển đổi thì trong câu tường thuật	1	1	2
Reported speech	Nhận biết: - Biết cấu trúc câu tường thuật ở thể khẳng định, phủ định và nghi vấn Thông hiểu: - Biết dùng động từ kết hợp với tân ngữ phù hợp (tell someone, say to someone, ...)	2	2	2

	- Biết chuyển đổi trạng từ theo ngữ cảnh câu Vận dụng: - Chuyển đổi câu từ Direct speech sang Indirect speech			
Conditionals	Nhận biết: - Nhận diện được các loại câu điều kiện Hiểu: - Chuyển đổi qua lại giữa If và Unless - Chuyển câu sang If1/ If2 Vận dụng: - Đảo ngữ trong câu điều kiện - Vận dụng Without chuyển câu điều kiện	2	1	3
Phrasal verbs	Nhận biết: - Xác định động từ đi với particle hoặc ngược lại	1		
Prepositions	Nhận biết - Xác định và sử dụng đúng giới từ tạo thành nghĩa phù hợp với ngữ cảnh	1		
Collocations	Nhận biết: - Nhận biết được ý nghĩa của cụm từ phù hợp với ngữ cảnh câu	2		
Passive	Vận dụng: - Hình thức bị động của phrasal verbs			1
Parallel Structure	Thông hiểu: - Khi liệt kê các danh từ, động từ, hoặc cụm từ, các thành phần phải cùng dạng Vận dụng: - Các cụm từ nối với nhau bằng linking words phải cùng cấu trúc		1	1
Linking word	Thông hiểu: - Hiểu ý nghĩa và vị trí của linking words trong câu		1	
Reading Comprehension (UNIT 9, 10)	Thông hiểu: - Đọc hiểu được những thông điệp đơn giản và các nội dung học thuật về các chủ đề đã học. Vận dụng: - Rút ra các suy luận từ đoạn văn		3	2
Sentence Sequencing	Thông hiểu: - Thực hiện việc sắp xếp lại các câu theo đúng cấu trúc và ngữ nghĩa để tạo thành 1 lá thư hoàn chỉnh		2	
Tổng		20	15	15

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MÔN: VẬT LÝ 10

BẢNG NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY CHO ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 (2024 – 2025)

Thành phần năng lực	Cấp độ tư duy								
	PHẦN 1 (12 CÂU TN)			PHẦN 2 (4 CÂU ĐÚNG SAI)			PHẦN 3 (3 CÂU TỰ LUẬN)		
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Nhận thức vật lí	2	1		3	2				
Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	2	2	1	1	1	2			1
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	1	1	2	1	2	4		1	1
TỔNG	5	4	3	5	5	6		1	2
	12 CÂU			16 Ý/ 4 CÂU			3 CÂU		

BẢN ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 (2024 – 2025) MÔN: VẬT LÍ 10

Nội dung	Cấp độ	NĂng lực			Số ý/câu		
		Nhận thức vật lí	Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ vật lí	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.	TN nhiều đáp án (số ý)	TN đúng sai (số ý)	Tự luận (số câu)

CHỦ ĐỀ 3: NĂNG LƯỢNG

Bài 1. Năng lượng và Công	Nhận biết	Định nghĩa, công thức tính và đơn vị công, công suất	Nhận biết được một số dạng năng lượng.		1	1	
	Thông hiểu	Hiểu được công cản, công phát động ..	- Hiểu được mối liên hệ giữa công và năng lượng	Hiểu được công thức tính công và công suất, các đại lượng trong công thức	1	1	
	Vận dụng			Vận dụng công thức tính công và công suất, tính được các đại lượng trong công thức tính công và công suất		1	
Bài 2. Bảo toàn và chuyển hóa năng lượng	Nhận biết	Biết được công thức tính động năng, thế năng, cơ năng trọng trường			1		
	Thông hiểu	Hiểu được sự bảo toàn và chuyển hóa năng lượng	Hiểu được sự bảo toàn và chuyển hóa năng lượng trong các trường hợp thực tế: chơi ván trượt, vật rơi tự do, vật được ném, khi đi lên dốc, xuống dốc...	Tính được động năng, thế năng và cơ năng		1	

	Vận dụng		- Vận dụng được mối liên hệ giữa sự thay đổi động năng và công của các lực. - Vận dụng được mối liên hệ giữa hiệu thế năng và công của trọng lực (lực thế)	-Vận dụng được định luật bảo toàn cơ năng để tính các đại lượng có trong công thức - Tính hiệu suất trong một số trường hợp	1	1	
--	----------	--	---	--	---	---	--

CHỦ ĐỀ 4: ĐỘNG LƯỢNG

Bài 1. Động lượng và định luật bảo toàn động lượng	Nhận biết	Định nghĩa, công thức và đơn vị tính động lượng		Tính được động lượng của một vật, ghi đúng đơn vị.	1	1	
	Thông hiểu	Rút ra mối liên hệ giữa lực tổng hợp tác dụng lên vật và độ thay đổi của động lượng Hiểu được điều kiện bảo toàn động lượng	Phân biệt được các trường hợp động lượng bảo toàn hoặc biến thiên trong một số hiện tượng thực tế.	Biết cách tính động lượng của hệ 2 vật (các trường hợp 2 vật chuyển động cùng chiều, ngược chiều, vuông góc, hợp một góc bất kỳ).	1	1	1
	Vận dụng			Biết áp dụng định luật bảo toàn động lượng để tính các đại lượng liên quan như vận tốc, năng lượng của vật trước và sau tương tác Áp dụng định luật bảo toàn động lượng cho các trường hợp thực tế.		1	

Bài 2. Động lượng và năng lượng trong va chạm	Nhận biết					1	
	Thông hiểu	Hiểu được định luật bảo toàn động lượng và năng lượng trong va chạm đàn hồi, sự chuyển hóa năng lượng trong va chạm mềm.	Hiểu được quá trình tương tác khi các vật va chạm áp dụng cho các tình huống thực tế.		1	1	
	Vận dụng	Tính được vận tốc và năng lượng của vật sau va chạm.		Biết áp dụng các định luật bảo toàn để tính các đại lượng như vận tốc, năng lượng trước và sau va chạm.	1	1	1

CHỦ ĐỀ 5: CHUYỂN ĐỘNG TRÒN VÀ BIẾN DẠNG

Bài 1. Chuyển động tròn	Nhận biết	Mô tả được chuyển động tròn. Biết được công thức và đơn vị các đại lượng trong chuyển động tròn: vận tốc, tốc độ góc, lực hướng tâm, gia tốc hướng tâm.		Ghi được các công thức tính và đơn vị các đại lượng vận tốc, tốc độ góc, lực hướng tâm, gia tốc hướng tâm.	2	2	
	Thông hiểu	Hiểu được độ dịch chuyển và độ dịch chuyển góc.	Tính được độ dịch chuyển góc theo radian.	Hiểu được các tính chất cơ bản của chuyển động tròn.	1	1	

	Vận dụng	Vận dụng được các công thức của chuyển động tròn để tính toán các đại lượng: lực hướng tâm, gia tốc hướng tâm, tốc độ, tốc độ góc...	Quan sát chuyển động của vật dưới tác dụng của lực hướng tâm (Ví dụ vệ tinh nhân tạo, bánh xe, lồng máy giặt, máy xay, cánh quạt, kim đồng hồ...)	Tính toán các lực liên quan trong chuyển động tròn. Ví dụ: xe chạy qua cầu cong, viên đá cột vào sợi dây quay tròn... Tính được bán kính, chiều dài quỹ đạo.	1	2	1
--	----------	--	---	---	---	---	---

MA TRẬN – HÓA 10 – CUỐI HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm và Tự luận – Thời gian: 45 phút

Chủ đề lựa chọn	Số lệnh hỏi																								
	Nhận thức hoá học											Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG
	BIẾT		HIỂU					VẬN DỤNG				BIẾT	HIỂU			VẬN DỤNG				VẬN DỤNG					
	HH. 1.1	HH. 1.2	HH. 1.2	HH. 1.3	HH. 1.4	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.5	HH. 1.6	HH. 1.7	HH. 1.8	HH. 2.1	HH. 2.1	HH. 2.2	HH. 2.2	HH. 2.3	HH. 2.4	HH. 2.5	HH. 3.1	HH. 3.2	HH. 3.3	HH. 3.4	HH. 3.5		
1. Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học		5	1	1																				7	
2. Tính biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học								1																1	
3. Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng		2			1																			3	
4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng			1		2	1	1		1								4				1			11	
5. Tính chất vật lí và hóa học các đơn chất nhóm VIIA	1	3					1										1				1			7	
6. Hydrogen halide và một số phản ứng của ion halide	1	4	1	1	1				1															9	
Tổng lệnh hỏi	2	14	3	2	4	1	2	1	2								5				2			38	
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC											HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG					
	31											5								2					38
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ	BIẾT											HIỂU								VẬN DỤNG					
	16											12								10					38
Tổng điểm theo cấp độ	4											3								3					10
	40%											30%								30%					100%

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

MA TRÂN CHI TIẾT – HÓA 10 – CUỐI HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm và Tự luận – Thời gian: 45 phút

[illegible]

Chủ đề lựa chọn	Dạng g thức	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy																								
		Nhận thức hoá học										Tìm hiểu thế giới tự nhiên								Vận dụng kiến thức – kĩ năng đã học					TỔNG	
		BIẾT		HIỂU					VẬN DỤNG			BIẾT	HIỂU		VẬN DỤNG				VẬN DỤNG							
		HH.1.1	HH.1.2	HH.1.2	HH.1.3	HH.1.4	HH.1.5	HH.1.6	HH.1.5	HH.1.6	HH.1.7	HH.1.8	HH.2.1	HH.2.2	HH.2.2	HH.2.3	HH.2.4	H H.2.5	HH.3.1	HH.3.2	HH.3.3	HH.3.4	HH.3.5			
Tổng lệnh hỏi	2	14	3	2	4	1	2	1	2							5				2			38			
Tổng lệnh hỏi theo thành phần năng lực	HH1: NHẬN THỨC HÓA HỌC										HH2: TÌM HIỂU THẾ GIỚI TỰ NHIÊN								HH3: VẬN DỤNG KIẾN THỨC - KĨ NĂNG							
	31										5								2					38		
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ	BIẾT										HIỂU								VẬN DỤNG							
	16										12								10					38		
Tổng điểm theo cấp độ	4										3								3					10		
	40%										30%								30%					100 %		

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

BẢNG ĐẶC TẢ – HÓA 10 – CUỐI HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Hình thức: Trắc nghiệm và Tự luận - Thời gian: 45 phút

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo					
				Trắc nghiệm			Tự luận		
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Năng lượng hóa học	Enthalpy tạo thành và biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học	Nhận biết HH.1.1. - Nêu được ý nghĩa của dấu và giá trị $\Delta_r H_{298}^0$, $\Delta_f H_{298}^0$ HH.1.2. - Trình bày được khái niệm phản ứng tỏa nhiệt, phản ứng thu nhiệt; điều kiện chuẩn. - Trình bày được khái niệm, đặc điểm của enthalpy tạo thành (nhiệt tạo thành) và biến thiên enthalpy (nhiệt phản ứng) của phản ứng hóa học. - Trình bày khái niệm của phương trình nhiệt hóa học. - Xác định được phản ứng tỏa nhiệt, phản ứng thu nhiệt, quá trình tỏa nhiệt, quá trình thu nhiệt. Thông hiểu HH.1.2. - Xác định được giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ dựa vào phương trình nhiệt hóa học. - Dựa vào giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ để xác định phản ứng xảy ra thuận lợi, phản ứng không xảy ra thuận lợi ở điều kiện chuẩn. - Dựa vào giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ để dự đoán khả năng diễn ra/ khó diễn ra của phản ứng. HH.1.3. - Mô tả biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học theo đồ thị nhiệt hóa học. HH.1.4.	I.1 I.4 I.9 II.3a II.3b	II.3c II.3d				

			- Dựa vào giá trị $\Delta_r H_{298}^0$, so sánh mức độ diễn ra giữa các phản ứng hóa học. - So sánh các giá trị $\Delta_r H_{298}^0$, $\Delta_f H_{298}^0$						
		Tính biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học	Vận dụng HH.1.5. - Tính được $\Delta_r H_{298}^0$ của một phản ứng hóa học theo nhiệt tạo thành. Và ngược lại, dựa vào giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ tính nhiệt tạo thành. - Tính được $\Delta_r H_{298}^0$ của một phản ứng hóa học theo theo năng lượng liên kết hóa học. Và ngược lại, dựa vào giá trị $\Delta_r H_{298}^0$ tính năng lượng liên kết.			I.2			
2	Tốc độ phản ứng hóa học	Phương trình tốc độ phản ứng và hằng số tốc độ phản ứng	Nhận biết HH.1.1. - Nêu được ý nghĩa hằng số tốc độ phản ứng. HH.1.2. - Trình bày được khái niệm tốc độ phản ứng hóa học - Xác định được biểu thức tốc độ trung bình của phản ứng - Xác định được biểu thức tốc độ tức thời của phản ứng Thông hiểu HH.1.4. - So sánh sự thay đổi tốc độ phản ứng khi thay đổi nồng độ chất tham gia phản ứng.	II.4b II.4c	I.3				
		Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng	Nhận biết HH.1.1 - Nêu được ý nghĩa của hệ số Van't Hoff HH.1.2. - Trình bày các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng (nồng độ, áp suất, nhiệt độ, diện tích bề mặt tiếp xúc, chất xúc tác) - Trình bày ý nghĩa thực tiễn của tốc độ phản ứng trong đời sống và sản xuất. Thông hiểu HH.1.4. - So sánh sự thay đổi tốc độ phản ứng khi thay đổi một hoặc nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng. HH.1.5. - Phân tích các khía cạnh của từng yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ		I.7 II.2a II.2b II.2c II.4a	I.8 I.10			III.2a III.2b III.2c III.4d

			phản ứng hóa học (ví dụ: khi tăng nồng độ của các chất phản ứng làm tăng số va chạm hiệu quả, dẫn đến việc tăng tốc độ phản ứng,...) HH.1.6 - Giải thích được các yếu tố (nồng độ, nhiệt độ, áp suất, chất xúc tác, diện tích tiếp xúc) ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng. Vận dụng HH.1.6 - Giải thích mối liên hệ giữa hệ số van't hofff với tốc độ phản ứng, thời gian phản ứng, và hằng số cân bằng của phản ứng khi tăng nhiệt độ. HH.2.4. - Thu thập các dữ kiện trong tự nhiên, trong cuộc sống, phân tích dữ kiện để đưa ra kết luận về các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng. HH.3.3. - Vận dụng được kiến thức hóa học về các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng, để đánh giá một số vấn đề thực tiễn và đề xuất một số giải pháp để giải quyết vấn đề.						
3	Nguyên tố nhóm VIIA - Halogen	Tính chất vật lí và hóa học các đơn chất halogen	Nhận biết HH.1.1 - Nêu được trạng thái tự nhiên của các nguyên tố halogen. - Nêu được những nguyên tố thuộc nhóm VIIA (nhóm halogen) - Nêu tên của các nguyên tố thuộc nhóm halogen. HH.1.2. - Trình được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lí của các đơn chất halogen (trạng thái, màu sắc, nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, bán kính,...) - Trình bày được tính chất hóa học của các đơn chất halogen. - Trình bày ứng dụng của các halogen trong cuộc sống. Thông hiểu HH.1.2 - Chứng minh tính chất hóa học của của các đơn chất halogen. - Dựa vào các dẫn chứng trong thí nghiệm, để viết các phương trình hóa học. HH.1.3. - Mô tả một số hiện tượng hóa học liên quan đến các đơn chất halogen HH.1.4.	I.5	I.11	I.12 II.4d	III.1b III.1c III.1d	III.3a	III.3b

		- So sánh tính oxi hóa giữa các đơn chất halogen. HH.1.6. - Giải thích được sự biến đổi nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi của các đơn chất halogen dựa trên tương tác van der Waals. HH.2.4. - Thu thập các dữ kiện trong tự nhiên, trong cuộc sống liên quan đến các nguyên tố halogen để đưa ra kết luận về các dữ kiện trên. Vận dụng HH.3.3 - Vận dụng được kiến thức tổng hợp để đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các đơn chất halogen (fluorine, chlorine, bromine, iodine) và đề xuất một số phương pháp, biện pháp giải quyết các vấn đề.						
	Hydrogen halide và một số phản ứng của ion halide	Nhận biết HH.1.1 - Nêu được tên của các hydrogen halide - Nêu được khái niệm hydrogen halide - Nêu được ứng dụng của một số hydrogen halide HH.1.2 - Trình bày tính chất hóa học của các hydrohalic acid. (xu hướng biến đổi tính acid của dãy hydrohalic acid và tính khử của các ion halide Cl⁻, Br⁻, I⁻). - Trình bày được trạng thái tự nhiên, tính chất vật lý của các halogen halide và các ion halide. - Trình bày được phương pháp điều chế các halogen halide. - Trình bày ứng dụng của các halogen halide và các ion halide. Thông hiểu HH.1.2 - Chứng minh tính chất hóa học của các halogen halide. - Dựa vào các dẫn chứng trong thí nghiệm, để viết các phương trình hóa học. HH.1.3. - Mô tả được một số hiện tượng liên quan đến tính chất của các halogen halide, ion halide. - Phân loại các dung dịch chứa ion halide thông qua việc lựa chọn các thuốc thử phù hợp. (phân biệt các dung dịch mất nhãn) HH.1.4.	I.6 II.1a II.1b II.2d	II.1c II.1d		III.1a		

			- So sánh tính khử giữa các ion Cl^-, Br^-, I^-. HH.1.6 - Giải thích được xu hướng biến đổi nhiệt độ sôi của các hydrogen halide từ HCl đến HI. (dựa vào tương tác van der Waals) - Giải thích sự bất thường về nhiệt độ sôi của HF so với các HX khác. (dựa vào liên kết hydrogen) - Giải thích phương pháp sulfate trong điều chế HCl, HF. Tại sao không sử dụng phương pháp sulfate trong sản xuất HBr, HI. Vận dụng HH.1.6. - Giải thích và lập luận được về mối quan hệ giữa các hydrohalic acid với kim loại thông qua việc xác định hàm lượng kim loại trong một số trường hợp						
Tổng số lệnh hỏi				12	11	5	4	1	5

PHỤ LỤC

NL “Nhận thức hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Nhận biết và nêu được tên các đối tượng, sự kiện, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.1	Biết
	Trình bày được các sự kiện, đặc điểm, vai trò của các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.2	Biết/ Hiểu
	Mô tả được bằng hình thức nói, viết, công thức, sơ đồ, biểu đồ, bảng.	HH1.3	Hiểu
	So sánh, phân loại, lựa chọn các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo logic nhất định.	HH1.4	Hiểu
	Phân tích được các khía cạnh của đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học theo các tiêu chí khác nhau.	HH1.5	Hiểu/Vận dụng
	Giải thích và lập luận được về mối quan hệ giữa các đối tượng, khái niệm hoặc quá trình hóa học.	HH1.6	Hiểu/Vận dụng
	Tìm được từ khóa, sử dụng được thuật ngữ khoa học, kết nối được các thông tin theo logic có ý nghĩa, lập được dàn ý khi đọc và trình bày văn bản khoa học.	HH1.7	Vận dụng
	Thảo luận, đưa ra được những nhận định phê phán có liên quan đến chủ đề.	HH1.8	Vận dụng

NL “Tìm hiểu thế giới tự nhiên dưới góc độ hóa học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Đề xuất vấn đề: nhận ra và đặt câu hỏi liên quan đến vấn đề; phân tích được bối cảnh để đề xuất vấn đề; biểu đạt được vấn đề.	HH2.1	Biết/ Hiểu
	Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết: phân tích được vấn đề đã nêu được xây dựng và phát biểu được giả thuyết nghiên cứu.	HH2.2	Hiểu/Vận dụng
	Lập kế hoạch thực hiện: xây dựng được khung logic nội dung tìm hiểu; lựa chọn được phương pháp thích hợp (quan sát: thực nghiệm, điều tra, phỏng vấn,...); lập được kế hoạch triển khai tìm hiểu.	HH2.3	Vận dụng
	Thực hiện kế hoạch: thu thập được sự kiện và chứng cứ (quan sát, ghi chép, thu thập dữ liệu thực nghiệm); phân tích được dữ liệu nhằm chứng minh hay bác bỏ giả thiết; rút ra được kết luận và điều chỉnh kết luận khi cần thiết.	HH2.4	Vận dụng
	Viết, trình bày báo cáo và thảo luận: sử dụng được ngôn ngữ, hình vẽ, sơ đồ, biểu bảng để biểu đạt quá trình và kết quả tìm hiểu; viết được báo cáo sau quá trình tìm hiểu; hợp tác với đối tác bằng thái độ lắng nghe tích cực và tôn trọng quan điểm, ý kiến đánh giá do người khác đưa ra để tiếp thu tích cực và giải thích, phản biện, bảo vệ kết quả tìm kiếm 1 cách thuyết phục.	HH2.5	Vận dụng

NL “Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học”	CÁC CHỈ BÁO/ BIỂU HIỆN	MÃ HÓA	GỢI Ý CẤP ĐỘ TƯ DUY
	Vận dụng được kiến thức hóa học để phát hiện, giải thích được một số hiện tượng tự nhiên, ứng dụng của hóa học trong cuộc sống.	HH3.1	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức để phản biện, đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn.	HH3.2	Vận dụng
	Vận dụng được kiến thức tổng hợp để đánh giá ảnh hưởng của một số vấn đề thực tiễn và đề xuất một số phương pháp, biện pháp, mô hình kế hoạch giải quyết vấn đề.	HH3.3	Vận dụng
	Định hướng được ngành nghề sẽ lựa chọn sau khi tốt nghiệp THPT.	HH3.4	Vận dụng
	Ứng xử thích hợp trong các tình huống có liên quan đến bản thân, gia đình và cộng đồng phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững XH và BVMT.	HH3.5	Vận dụng

MA TRẬN MÔN SINH 10 – CUỐI HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC: 2024 - 2025

Thời gian: 40 phút

Chủ đề (Bài)	Dạng thức	Lệnh hỏi tương ứng với thành phần năng lực và cấp độ tư duy									
		TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			Trả lời ngắn			Tổng
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
Chủ đề 1 QUÁ TRÌNH PHÂN BÀO	ND1. Diễn biến của nguyên phân	0	0	0	0	0	0	2	1	1	4
	ND2. Kết quả và ý nghĩa của nguyên phân	0	0	0	0	0	0	2	1	1	4
Chủ đề 2 KHÁI QUÁT VỀ VI SINH VẬT	ND1. Đặc điểm chung của vi sinh vật	2	0	0	0	1	0	0	0	0	3
	ND2. Các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật	0	1	1	0	0	1	0	0	0	3
	ND3. Các nhóm vi sinh vật	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1
Chủ đề 3 SINH TRƯỞNG VÀ SINH SẢN CỦA VI SINH VẬT	ND1. Khái niệm	1	0	0	1	0	0	0	0	0	2
	ND2. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật	2	1	1	0	1	0	0	0	0	5
	ND3. Các yếu tố ảnh đến sinh trưởng của vi sinh vật	0	1	1	1	0	1	0	0	0	4
	ND4. Ý nghĩa của kháng sinh và tác hại của KS	0	0	1	0	0	1	0	0	0	2
Chủ đề 4	ND1. Khái niệm và đặc điểm của virus	1	0	0	0	1	0	0	0	0	2
	ND2. Cấu tạo của virus	1	0	0	1	1	0	0	0	0	3

VIRUS – CẤU TẠO VIRUS	ND3. Phân loại virus	0	1	0	1	0	0	0	0	0	2
Chủ đề 5 ỨNG DỤNG CỦA VIRUS TRONG Y HỌC & THỰC HIỆN	ND1. Ứng dụng trong Y học	0	0	0	0	0	1	0	1	1	3
	ND2. Ứng dụng trong Nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	1	1	2
Lệnh câu hỏi theo các cấp độ nhận thức từng phần		8	4	4	4	4	4	4	4	4	40
Tổng lệnh hỏi theo dạng câu hỏi		TNKQ nhiều lựa chọn 16			TNKQ đúng - sai 12			Trả lời ngắn 12			40
Tổng lệnh hỏi theo cấp độ nhận thức		Biết 16 40%			Hiểu 12 30%			Vận dụng 12 30%			40 100%

CHỦ ĐỀ (Bài)	CHUẨN KIẾN THỨC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Chủ đề 1	Nhận Biết	ND1. Diễn biến của nguyên phân ND2. Kết quả và ý nghĩa của nguyên phân	4		

QUÁ TRÌNH PHÂN BÀO	Thông hiểu	ND1. Diễn biến của nguyên phân ND2. Kết quả và ý nghĩa của nguyên phân		2	
	Vận dụng	ND1. Diễn biến của nguyên phân ND2. Kết quả và ý nghĩa của nguyên phân			2
Chủ đề 2 KHÁI QUÁT VỀ VI SINH VẬT	Nhận Biết	ND1. Đặc điểm chung của vi sinh vật ND3. Các nhóm vi sinh vật	3		
	Thông hiểu	ND1. Đặc điểm chung của vi sinh vật ND2. Các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật		1	
	Vận dụng	ND2. Các kiểu dinh dưỡng của vi sinh vật			2
Chủ đề 3 SINH TRƯỞNG VÀ SINH SẢN CỦA VI SINH VẬT	Nhận Biết	ND1. Khái niệm ND2. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật ND3. Các yếu tố ảnh đến sinh trưởng của vi sinh vật	5		
	Thông hiểu	ND1. Khái niệm ND2. Sinh trưởng của quần thể vi sinh vật ND3. Các yếu tố ảnh đến sinh trưởng của vi sinh vật		3	
	Vận dụng	ND3. Các yếu tố ảnh đến sinh trưởng của vi sinh vật ND4. Ý nghĩa của kháng sinh và tác hại của KS			5

Chủ đề 4 VIRUS – CẤU TẠO VIRUS	Nhận Biết	ND1. Khái niệm và đặc điểm của virus ND2. Cấu tạo của virus ND3. Phân loại virus	4		
	Thông hiểu	ND1. Khái niệm và đặc điểm của virus ND2. Cấu tạo của virus ND3. Phân loại virus		3	
Chủ đề 5 ỨNG DỤNG CỦA VIRUS TRONG Y HỌC & THỰC HIỆN	Thông hiểu	ND1. Ứng dụng trong Y học ND2. Ứng dụng trong Nông nghiệp		2	
	Vận dụng	ND1. Ứng dụng trong Y học ND2. Ứng dụng trong Nông nghiệp			3
Tổng câu hỏi theo mức độ nhận thức			16	12	12

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II - LỊCH SỬ 10
NĂM HỌC 2024-2025

I. Khung ma trận đề kiểm tra định kì môn Lịch sử (TNKQ nhiều lựa chọn; TNKQ đúng – sai; tự luận)

T T	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Nhiều lựa chọn			Đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 6. Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	1. Văn minh Đại Việt	5	5		4 (ý)	2 (ý)	2 (ý)			1	5+4 (ý)	5+2 (ý)	1+2 (ý)	65%
2	Chủ đề 7. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam.	3	3		4 (ý)	2 (ý)	2 (ý)				3+4 (ý)	3+2 (ý)	2 (ý)	35%
Tổng số câu			8	8		8 (ý)	4 (ý)	4 (ý)			1	8 + 8 (ý)	8 +4 (ý)	1+4 (ý)	
Tổng số điểm			4			3		1			2	4	3	3	10
Tỉ lệ %			80 %						20%			40%	30%	30%	100

Lưu ý:

- Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn, 1 lựa chọn đúng; mỗi đề 16 câu hỏi.
- Trắc nghiệm đúng sai; thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Nếu đúng 1 ý được 0,1điểm, đúng 2 ý được 0,25 điểm, đúng 3 ý được 0,5 điểm, đúng 4 ý được 1 điểm. Mỗi đề 4 câu hỏi, mỗi câu hỏi 4 lệnh lựa chọn: Đúng (Đ)/ Sai (S)

II. Xây dựng bản đặc tả đề kiểm tra định kì

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra theo các mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
1	Chủ đề 6. Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	1. Văn minh Đại Việt	Nhận biết - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt. - Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hoá, giáo dục, văn học, nghệ thuật. (NLTH)	5	4 (ý)	
			Thông hiểu - Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Phân tích được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt: kế thừa văn minh Văn Lang – Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá Trung Quốc. - Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. (NL TD)	5	2 (ý)	
			Vận dụng - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hoá Việt Nam. - Đưa ra những nhận xét, đánh giá chung về những giá trị, ảnh hưởng của văn minh Đại Việt. (NLVD)		2 (ý)	1
2	Chủ đề 7. Cộng đồng các dân tộc Việt Nam	2. Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	Nhận biết - Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam: sự đa dạng về văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng,... (NLTH)	3	4 (ý)	

			Thông hiểu - Trình bày được khái niệm ngữ hệ và việc phân chia tộc người theo ngữ hệ. - Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam: sản xuất nông nghiệp, ngành nghề thủ công,... (NL TD)	3	2 (ý)	
			Vận dụng - Vận dụng vào việc ý thức trân trọng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam (NLVD)		2 (ý)	
Số câu				16	4(a,b,c,d)	1
Tỉ lệ%				80%		20
Số điểm				80%		20

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ- CUỐI HỌC KÌ II, LỚP 10

MÔN: ĐỊA LÍ – NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng chỉ báo			
				Trắc nghiệm			Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng- Sai	Trả lời ngắn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chủ đề 1 Địa lí dân cư	– Dân số và sự phát triển dân số trên thế giới – Gia tăng dân số – Cơ cấu dân số – Phân bố dân cư – Đô thị hoá	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. – Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá). – Trình bày được khái niệm Đô thị hoá – Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế. Thông hiểu – Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh,	16	1	4	2

			tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư); – Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. – Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. – Phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. Vận dụng – Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). – So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu. – Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.				
2	Chủ đề 2 Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát	– <i>Các nguồn lực phát triển kinh tế</i> – <i>Cơ cấu nền kinh tế</i>	Nhận biết – Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế Thông hiểu – Phân tích được vai trò của mỗi loại nguồn lực đối				

	triển kinh tế	– Tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	với phát triển kinh tế. – Phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người. Vận dụng – Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. – Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.				
3	Chủ đề 3 Địa lí các ngành kinh tế	– Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Trình bày được đặc điểm của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Trình bày được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông				

			ng nghiệp. Thông hiểu – Trình bày được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Trình bày được vai trò của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Trình bày được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. – Giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. – Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. Vận dụng – Trình bày được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.				
--	--	--	--	--	--	--	--

			– Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.				
		– Công nghiệp	Nhận biết – Trình bày được đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. – Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Thông hiểu – Trình bày được vai trò ngành công nghiệp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. – Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Trình bày được vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.				

			– Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Vận dụng – Giải thích được sự phân bố của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo. – Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. – Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.				
--	--	--	--	--	--	--	--

MÔN: GDKT&PL10

[illegible]

	Việt Nam	pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam																					
5	Tổng số câu		8		4		4		1		1		2			1		1			20	2	10.0

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II
MÔN: GDKT&PL10

TT	Chủ đề	Mạch kiến thức	Mô tả các cấp độ nhận thức	PHẦN I			PHẦN II			PHẦN III		
				Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia	Điều chỉnh hành vi	Phát triển bản thân	Tìm hiểu và tham gia
1	Hệ thống chính trị nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân	- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân. - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật.	2		2	1			1		
2		Chính quyền địa phương	- Nêu được chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.	2		2			1			

			- Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta. - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật.									
3	Pháp luật nước Cộng hoà XHCN Việt Nam	Pháp luật và đời sống	- Nêu được khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật. - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.	1	1	2		1				1
4		Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam	- Nêu được hệ thống pháp luật Việt Nam và văn bản pháp luật Việt Nam. - Kể tên được các văn bản pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.	2	1	1			1			

			- Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật.									
5	Tổng số lệnh hỏi theo năng lực			7	2	7	1	1	2	1		1

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 6: Kĩ thuật trồng trọt	Ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm trồng trọt	4	1	0	2	2	4	0	0	0	6	3	4	32,5
		Lập kế hoạch và tính toán chi phí trồng trọt	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	12,5
2	Chủ đề 7: Trồng trọt công nghệ cao	Giới thiệu về trồng trọt công nghệ cao	3	1	0	1	1	2	0	0	0	4	2	2	20
		Công nghệ trồng cây không dùng đất	4	2	0	1	1	2	0	1	0	5	4	2	35
Tổng số câu			12	4	0	4	4	8	0	1	1	16	9	9	
Tổng số điểm			3	1	0	1	1	2	0	1	1	4	3	3	10,0
Tỉ lệ %			40			40			20			40	30	30	100

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2024 – 2025
MÔN: CÔNG NGHỆ 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt (Đã được tách ra các chỉ báo và mức độ)	Số lượng câu hỏi ở các mức độ		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Chủ đề 6: Kĩ thuật trồng trọt	Ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm trồng trọt	Nhận biết: - Nêu được một số ứng dụng công nghệ cao trong thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm trồng trọt.	4	2	
			Thông hiểu: - Phân biệt được một số công nghệ cao được ứng dụng trong thu hoạch, bảo quản và chế biến các sản phẩm trồng trọt.	1	2	
			Vận dụng: - Đề xuất được các công nghệ, biện pháp thích hợp để xử lí các sản phẩm trồng trọt sau thu hoạch ở địa phương.		4	
		Lập kế hoạch và tính toán chi phí trồng trọt	Nhận biết: - Trình bày được công thức tính toán chi phí trong trồng trọt.	1		
			Thông hiểu:			
			Vận dụng:			

			- Tính toán được chi phí trồng trọt một số loại cây trồng phổ biến ở địa phương.			1
2	Chủ đề 7: Trồng trọt công nghệ cao	Giới thiệu về trồng trọt công nghệ cao	Nhận biết: - Nêu được đặc điểm của trồng trọt công nghệ cao. - Mô tả được một số mô hình trồng trọt công nghệ cao. - Trình bày được những vấn đề cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.	3	1	
			Thông hiểu: - So sánh được ưu, nhược điểm của trồng trọt công nghệ cao so với trồng trọt truyền thống. - Xác định được một số mô hình trồng trọt ứng dụng công nghệ cao ở nước ta.	1	1	
			Vận dụng: - Lựa chọn mô hình trồng trọt công nghệ cao phù hợp với các đối tượng cây trồng ở địa phương.		2	
		Công nghệ trồng cây không dùng đất	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm và ưu, nhược điểm của công nghệ trồng cây không dùng đất. - Trình bày được một số hệ thống trồng cây không dùng đất.	4	1	
			Thông hiểu: - Giải thích được cơ sở khoa học của các hệ thống trồng cây không dùng đất.	2	1	1

			- Vẽ được sơ đồ nguyên lí hoạt động của một số hệ thống trồng cây không dùng đất.			
			Vận dụng: - Đề xuất được một số loại cây trồng ở địa phương có thể ứng dụng công nghệ trồng cây không dùng đất. - Đề xuất được một số loại giá thể có thể sử dụng trong trồng cây không dùng đất.		2	

TTCM

Trần Thị Hà



1. Ma trận:

TT	Chương /Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng/Sai									
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 2	Bài 8:Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại	3	1	0							3	1	0	10%
		Bài 9: An toàn trên không gian mạng	3	1	0							3	1	0	10%
2	Chủ đề 5	Bài 22 +23: Kiểu dữ liệu danh sách. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	2	3	0	2 ý	1 ý	1 ý				4	4	1	22.5%
		Bài 24 + 25: Xâu kí tự. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	2	4	1	4 ý	2 ý	2 ý			8 ý	6	6	11	57.5%
Tổng số câu			10	9	1	6 ý	3 ý	3 ý	0 ý	0 ý	8 ý	16	12	12	40 câu
Tổng số điểm			5 điểm			3 điểm			2 điểm						10 điểm
Tỉ lệ %			50%			30%			20%			40%	30%	30%	100%

2. Bảng ma trận đặc tả:

STT	Chương/Chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Trắc nghiệm khách quan			
				Trắc nghiệm khách quan			Tự luận
				MC	YN	Short Answer	
11	Chủ đề 2: MẠNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET	Bài 8: Mạng máy tính trong cuộc sống hiện đại	Nhận biết, Thông hiểu - Khái niệm mạng cục bộ (LAN), WAN. - Nhận biết, hiểu được sự khác biệt giữa mạng cục bộ (LAN) và Internet - Trình bày được những thay đổi về chất lượng cuộc sống, phương thức học tập và làm việc trong xã hội - Nêu được một số công nghệ dựa trên Internet: + Khái niệm về điện toán đám mây, các loại dịch vụ đám mây cơ bản, và lợi ích của dịch vụ đám mây + Biết về kết nối vạn vật (Internet of Things, viết tắt IoT) được định nghĩa là việc liên kết các thiết bị thông minh để tự động thu thập, trao đổi và xử lý dữ liệu phục vụ cho mục đích khác nhau. Biết được lợi ích của IoT và ví dụ về IoT.	3MC (B) (NLa) 1MC (H) (NLa)			
		Bài 9: An toàn trên không gian mạng	Nhận biết, Thông hiểu: - Biết về virus, trojan, worm. - Biết về tác hại của phần mềm độc hại	3MC (B) (NLa) 1MC (H) (NLa)			

2	Chủ đề 5: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH	Bài 22 +23: Kiểu dữ liệu danh sách. Một số lệnh làm việc với dữ liệu danh sách	Nhận biết, thông hiểu: - Biết được kiểu dữ liệu danh sách (list), khởi tạo danh sách rỗng, truy cập từng phần tử của danh sách (theo chỉ số dương) -Phân biệt được danh sách rỗng và xâu rỗng. - Biết cách duyệt phần tử của danh sách bằng lệnh for: duyệt theo chỉ số và duyệt theo giá trị. - Biết công dụng và cách dùng một số phép toán (+), phương thức (len, append, insert, del, clear, remove) Vận dụng: - Vận dụng được cách duyệt các phần tử của danh sách bằng cấu trúc lặp for để giải quyết vấn đề thực tế. - Suy luận và đọc hiểu được một chương trình có dùng danh sách	2MC (B) (NLc) 3MC (H) (NLc)	2YN (B) (NLc) 1YN (H) (NLc) 1YN (VD) (NLc)		
		Bài 24 + 25: Xâu kí tự. Một số lệnh làm việc với xâu kí tự	Nhận biết, thông hiểu: - Hiểu xâu kí tự là kiểu dữ liệu cơ bản của Python. Biết cách khởi tạo và truy cập từng phần tử của xâu kí tự. - Biết lệnh for để xử lý xâu kí tự - Biết và hiểu cách dùng phép toán: + -Biết cách duyệt phần tử của xâu kí tự bằng lệnh for: duyệt theo chỉ số và duyệt theo giá trị. - Biết và hiểu cách dùng một số phương thức với xâu kí tự: len, in, find, split, join.	2MC (B) (NLc) 4MC (H) (NLc) 1MC (VD) (NLc)	4YN (B) (NLc) 2YN (H) (NLc) 2YN (VD) (NLc)		8ES(VD) (NLc)

			Vận dụng - Vận dụng được một số lệnh thường dùng với xâu kí tự (len, append, find, split, join) vào bài toán thực tế. - Vận dụng được cách duyệt các phần tử của xâu bằng cấu trúc lặp for để giải quyết vấn đề thực tế. - Suy luận và đọc hiểu được một chương trình có dùng xâu				
Tổng				10 lệnh B 9 lệnh H 1 lệnh VD	6 lệnh B 3 lệnh H 3 lệnh VD		8 lệnh VD
Tỉ lệ %				16B =40%, 12H=30%, 12VD=30%			
Tỉ lệ chung				B+H=70%		VD=30%	

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN
NHÓM: HDTN-HN

KẾ HOẠCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HK II
MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10
NĂM HỌC 2024 – 2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

I. MỤC ĐÍCH – Ý NGHĨA

- Học sinh tự đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ, hoạt động đã tham gia trong chủ đề 7-Thông tin nghề nghiệp, chủ đề 8-Chọn nghề, chọn trường theo các tiêu chí cụ thể.
- Đánh giá kết quả rèn luyện các năng lực và phẩm chất của học sinh: Năng lực giao tiếp và hợp tác, tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và năng lực thiết kế tổ chức các hoạt động. Phẩm chất trách nhiệm, trung thực, chăm chỉ.

II. HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Bài thực hành của học sinh:
- + Bài viết (dưới dạng file word hoặc powerpoint) kết hợp hình ảnh, minh chứng.
- + Sơ đồ tư duy, video, tranh, poster,...

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung :

Chủ đề	Nội dung
Chủ đề 7: Thông tin nghề nghiệp	- Xác định được những hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương và nêu được thông tin, yêu cầu cơ bản về các nhóm nghề của địa phương.
	- Trình bày được cách tìm hiểu các thông tin cơ bản và yêu cầu về năng lực, phẩm chất của nhóm ngành nghề mình quan tâm.
	- Xác định được thông tin, yêu cầu cơ bản và yêu cầu về năng lực, phẩm chất của nhóm nghề mình quan tâm.
	- Tìm hiểu được những điều kiện đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

	- Đề xuất biện pháp đảm bảo an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho một số nghề cụ thể.
Chủ đề 8: Chọn nghề, chọn trường	- Xác định được thông tin cơ bản về một số trường đào tạo liên quan đến nghề định lựa chọn.
	- Phân tích được phẩm chất và năng lực cần có của người lao động thông qua trải nghiệm một nghề cụ thể và yêu cầu của nhà tuyển dụng.
	- Tham vấn ý kiến thầy cô, gia đình, bạn bè về dự định lựa chọn nghề và định hướng học tập của bản thân.
	- Trình bày được một số thông tin cơ bản về hệ thống trường đào tạo liên quan đến nghề định lựa chọn.

2. Tiêu chí đánh giá:

TT	Tiêu chí đánh giá	Đạt	Chưa đạt
1	Cần xác định nội dung đầy đủ theo đúng chủ đề.		
2	Nội dung được trình bày chính xác, đa dạng, có cập nhật thông tin.		
3	Hình thức trình bày: hấp dẫn, sáng tạo, lôi cuốn,...		
4	Hoàn thành bài theo kế hoạch và thời gian đã xác định.		
5	Báo cáo kết quả thực hiện.		

+ Đạt: Học sinh đạt được 3 tiêu chí trở lên

+ Chưa đạt: Học sinh đạt được nhiều nhất 2 tiêu chí trở xuống

Trên đây là kế hoạch kiểm tra đánh giá cuối học kì 2 cho học sinh khối 10 của nhóm HDTN-HN.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 4 năm 2025

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU

Người lập kế hoạch

Nhóm HDTN-HN

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II (Năm học 2024-2025)

MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG KHỐI 10

(Học sinh nộp sản phẩm theo hướng dẫn của giáo viên bộ môn)

STT	Chủ đề/Bài học	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 5: Hoạt động sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở thành phố hồ chí minh	- Vai trò của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế ở thành phố hồ chí minh -Thế mạnh, hạn chế trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở thành phố hồ chí minh - Cơ cấu ngành công nghiệp ở thành phố hồ chí minh -Hoạt động sản xuất tiểu thủ công nghiệp ở thành phố hồ chí minh	- Trình bày được vai trò của ngành công nghiệp trong quá trình phát triển kinh tế ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được sự phát triển, phân bố và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp, một số ngành tiểu thủ công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Phân tích được thế mạnh, hạn chế trong sản xuất công nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh.
2	Chủ đề 6: khi tôi là “đại sứ du lịch”	- Tổng quan và vai trò của “đại sứ du lịch” trong phát triển du lịch ở thành phố hồ chí minh - Một số loại hình du lịch tiêu biểu ở thành phố hồ chí minh - Tiềm năng phát triển	- Mô tả được những nét tổng quan về ngành du lịch của Thành phố Hồ Chí Minh. - Xác định được vai trò của “Đại sứ du lịch” trong phát triển du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Trình bày được một số loại hình du lịch tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh. - Thu thập được tài liệu, viết báo cáo về ngành du lịch ở Thành phố Hồ Chí Minh.
3	Chủ Đề 7: Ô nhiễm môi trường ở thành Phố Hồ Chí Minh	- Thực trạng ô nhiễm môi trường ở thành phố Hồ Chí Minh - Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở thành phố Hồ Chí Minh	- Phân tích, đánh giá được thực trạng môi trường tự nhiên tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Nêu được tác động của con người tới môi trường tự nhiên. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên.

		- Các giải pháp bảo vệ môi trường tự nhiên ở thành phố Hồ Chí Minh - Tham gia các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường tại thành phố Hồ Chí Minh	- Hiểu được mục đích của việc tham gia các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Đề xuất tham gia các hoạt động phòng chống ô nhiễm môi trường tại Thành phố
--	--	---	---